

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Chi tiêu	Mã chi tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>TÀI SẢN</b>			
<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>	<b>182.444.019.172</b>	<b>192.835.234.397</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>8.808.777.665</b>	<b>18.445.692.975</b>
1. Tiền	111	3.808.777.665	1.445.692.975
2. Các khoản tương đương tiền	112	5.000.000.000	17.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>49.568.324.651</b>	<b>60.520.277.551</b>
1. Phải thu khách hàng	131	43.921.781.047	55.212.210.695
2. Trả trước cho người bán	132	7.392.769.677	6.967.509.388
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0
5. Các khoản phải thu khác	135	690.741.987	777.525.528
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	(2.436.968.060)	(2.436.968.060)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>97.936.424.109</b>	<b>91.498.796.708</b>
1. Hàng tồn kho	141	97.936.424.109	91.498.796.708
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		0
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	<b>26.130.492.747</b>	<b>22.370.467.163</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	1.123.367.348	223.367.348
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	639.295.521	342.908.150
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		0
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	24.367.829.878	21.804.191.665
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>	<b>38.226.158.782</b>	<b>38.907.905.862</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	0	0
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212	0	0
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	0	0
4. Phải thu dài hạn khác	218	0	0
5. Dự phòng các khoản phải thu dài hạn khó đòi	219	0	0
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	<b>35.401.549.256</b>	<b>36.175.161.818</b>
<b>1. Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>221</b>	<b>18.672.001.342</b>	<b>18.433.399.566</b>
- Nguyên giá	222	28.246.254.256	27.159.341.538
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(9.574.252.914)	(8.725.941.972)
<b>2. Tài sản cố định thuê tài chính</b>	<b>224</b>		<b>0</b>
- Nguyên giá	225		0
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		0
<b>3. Tài sản cố định vô hình</b>	<b>227</b>	<b>16.100.342.363</b>	<b>16.100.342.363</b>

Chi tiêu	Mã chi tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Nguyên giá	228	16.100.342.363	16.100.342.363
- Giá trị hao mòn lũy kế	229	0	0
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	629.205.551	1.641.419.889
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
- Nguyên giá	241	0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế	242	0	0
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	0	0
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	0	0
3. Đầu tư dài hạn khác	258		
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	0	0
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	<b>2.824.609.526</b>	<b>2.732.744.044</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	2.824.609.526	2.732.744.044
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	0	0
3. Tài sản dài hạn khác	268	0	0
<b>VI. Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>	<b>220.670.177.954</b>	<b>231.743.140.259</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>			
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>	<b>168.361.565.998</b>	<b>198.968.018.028</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>88.684.944.219</b>	<b>97.866.092.249</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	19.432.149.076	21.833.287.568
2. Phải trả người bán	312	24.041.964.600	26.997.198.295
3. Người mua trả tiền trước	313	29.357.656.292	27.944.321.490
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	1.743.460.174	1.495.369.698
5. Phải trả người lao động	315	582.197.196	2.366.771.892
6. Chi phí phải trả	316	3.798.061.512	6.508.231.155
7. Phải trả nội bộ	317		0
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		0
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	9.357.949.473	10.278.606.255
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		0
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	371.505.896	442.305.896
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>	<b>79.676.621.779</b>	<b>101.101.925.779</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		0
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		0
3. Phải trả dài hạn khác	333		0
4. Vay và nợ dài hạn	334	79.676.621.779	101.101.925.779
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		0
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		0
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		0
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		0
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		0
<b>B.VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>52.308.611.956</b>	<b>32.775.122.231</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>52.308.611.956</b>	<b>32.775.122.231</b>

Chi tiêu	Mã chi tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	46.000.000.000	26.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	4.118.298.000	4.118.298.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	0	0
4. Cổ phiếu quỹ	414	0	0
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415	0	0
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	0	0
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	1.477.328.171	1.477.328.171
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	177.265.194	177.265.194
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	0	0
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	535.720.591	1.002.230.866
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421	0	0
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422	0	0
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1. Nguồn kinh phí	432	0	0
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433	0	0
<b>C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>	<b>220.670.177.954</b>	<b>231.743.140.259</b>
<b>CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1. Tài sản thuê ngoài	01	0	0
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	02	0	0
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	03	0	0
4. Nợ khó đòi đã xử lý	04	0	0
5. Ngoại tệ các loại	05	0	0
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	06	0	0

Hà nội, ngày 20 tháng 04 năm 2012

KẾ TOÁN LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

Dương Thị Thuý

Nguyễn Văn Hợp

Nguyễn Văn Thường

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XD BẠCH ĐĂNG TMC

Địa chỉ: Số 24/22 Trung Kính - Trung Hoà - Cầu Giấy .

Tel: 043.7834070 Fax: 043.7834071

## BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Chi tiêu	Mã chi tiêu	Quý này năm nay	Quý này năm trước	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này ( Năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này ( Năm trước)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.254.525.973	3.740.728.318	5.254.525.973	3.740.728.318
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			0	0
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp d</b>	<b>10</b>	<b>5.254.525.973</b>	<b>3.740.728.318</b>	<b>5.254.525.973</b>	<b>3.740.728.318</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	4.873.984.776	3.483.014.880	4.873.984.776	3.483.014.880
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp d</b>	<b>20</b>	<b>380.541.197</b>	<b>257.713.438</b>	<b>380.541.197</b>	<b>257.713.438</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	202.019.093	405.479.385	202.019.093	405.479.385
7. Chi phí tài chính	22	540.499.648	125.547.720	540.499.648	125.547.720
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	540.499.648	125.547.720	540.499.648	125.547.720
8. Chi phí bán hàng	24				
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	534.599.552	641.636.177	534.599.552	641.636.177
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>	<b>(492.538.910)</b>	<b>(103.991.074)</b>	<b>(492.538.910)</b>	<b>(103.991.074)</b>
11. Thu nhập khác	31	26.170.225		26.170.225	
12. Chi phí khác	32	141.590	561.020	141.590	561.020
<b>13. Lợi nhuận khác(40=31-32)</b>	<b>40</b>	<b>26.028.635</b>	<b>(561.020)</b>	<b>26.028.635</b>	<b>-561.020</b>
14. Phần lãi lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45				
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+</b>	<b>50</b>	<b>(466.510.275)</b>	<b>(104.552.094)</b>	<b>(466.510.275)</b>	<b>(104.552.094)</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51				
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52				
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>	<b>(466.510.275)</b>	<b>(104.552.094)</b>	<b>(466.510.275)</b>	<b>(104.552.094)</b>
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70	(113,30)	(40,21)	(113,30)	(40,21)

Hà nội, ngày 20 tháng 04 năm 2012

KẾ TOÁN LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

Dương Thị Thuý

Nguyễn Văn Hợp

Nguyễn Văn Thương

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Chi tiêu	Mã chi tiêu	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này(Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này(Năm trước)
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	119.212.106.517	67.359.702.397
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(5.482.570.392)	(391.980.700)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(1.248.471.325)	(883.165.279)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(2.047.390.602)	(549.647.035)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	0	
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	26.170.225	0
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(108.928.665.783)	(62.937.725.749)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>1.531.178.640</b>	<b>2.597.183.634</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	0	0
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	0	0
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	0	0
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	0	0
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	0	0
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	0	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	270.269.093	165.479.385
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>270.269.093</b>	<b>165.479.385</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	0	
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp	32	0	0
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	8.065.300.000	16.640.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(19.503.663.043)	(16.128.507.035)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	0	0
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(11.438.363.043)</b>	<b>511.492.965</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(9.636.915.310)</b>	<b>3.274.155.984</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	18.445.692.975	9.567.943.898
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	0	0
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>8.808.777.665</b>	<b>12.842.099.882</b>

Hà nội, ngày 20 tháng 04 năm 2012

KẾ TOÁN LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

**Dương Thị Thủy**

**Nguyễn Văn Hợp**

**Nguyễn Văn Th ường**

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Quý 1/2012**

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **01. Hình thức sở hữu vốn**

Là Công ty cổ phần.

#### **02. Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất và xây dựng.

#### **03. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính bao gồm:

- Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng, hạ tầng kỹ thuật, đường giao thông, cầu tàu, bến cảng, đường dây và trạm biến thế điện;
- Xây dựng các công trình thủy lợi, khu công nghệ cao, chuẩn bị mặt bằng xây dựng.

Ngoài ra, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, một số ngành nghề được cấp phép nhưng trong năm tài chính chưa phát sinh tại Công ty bao gồm:

- Sản xuất ống nhựa, nhôm nhiều lớp và phụ kiện, kết cấu thép hình các loại;
- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Tư vấn, xây dựng và lắp đặt kéo rải cáp, máng cáp chôn ngầm cho ngành điện và ngành bưu điện (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Gia công lắp đặt kết cấu thép hình các loại;
- Sản xuất bê tông thương phẩm và các cấu kiện bê tông đúc sẵn;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng mà Công ty kinh doanh;
- Thi công các công trình cấp và thoát nước;
- Lắp đặt và cung cấp vật tư, thiết bị điện dân dụng, điện công nghiệp;
- Kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn, ăn uống, dịch vụ giải khát (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Kinh doanh và khai thác khoáng sản (trừ các khoáng sản Nhà nước cấm);
- Kinh doanh dịch vụ thể thao, sân gofl, sân tennis, bể bơi;
- Dịch vụ lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch;
- Bán chất đốt (xăng, dầu, than, gas), phụ gia phục vụ sản xuất xi măng;
- Kinh doanh dịch vụ vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách bằng ô tô;
- Sàn giao dịch bất động sản (không bao gồm hoạt động định giá);
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Kinh doanh bất động sản;

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG - TMC**

Số nhà 24, ngõ 22, phố Trung Kính, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

- Lắp đặt hệ thống điện;
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt;
- Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng.

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **01. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### **02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **01. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

#### **02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

#### **03. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

#### **02. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**



## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG - TMC**

Số nhà 24, ngõ 22, phố Trung Kính, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

### **03. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

#### ***Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình***

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

#### ***Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình***

Khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Máy móc, thiết bị	6 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 8 năm
- Quyền sử dụng đất lâu dài không được tính khấu hao	

### **04. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phạt trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phạt phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

### **05. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác**

Các khoản chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm:

- Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ;
- Giá trị thương hiệu;
- Chi phí sửa chữa.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

### **06. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

### **07. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG - TMC**

Số nhà 24, ngõ 22, phố Trung Kính, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

### **08. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

#### ***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

#### ***Doanh thu hợp đồng xây dựng***

Hợp đồng xây dựng mà Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

#### ***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

### **09. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là Chi phí cho vay và đi vay vốn.

Khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### **10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG - TMC**

Số nhà 24, ngõ 22, phố Trung Kính, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: VND

**01. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Quý 1/2012</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	160.056.753	107.173.697
- Tiền gửi ngân hàng	3.648.720.912	1.338.519.278
- Tiền đang chuyển		
- Các khoản tương đương tiền (*)	5.000.000.000	17.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>8.808.777.665</u></b>	<b><u>18.445.692.975</u></b>

(\*) Là tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại ngân hàng.

**02. Các khoản phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Quý 1/2012</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Phải thu về cổ phần hóa		
- Phải thu khác	690.741.987	777.525.528
+ Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng và thương mại Đông Cường	500.000.000	500.000.000
+ Phải thu khác	190.741.987	277.525.528
<b>Cộng</b>	<b><u>690.741.987</u></b>	<b><u>777.525.528</u></b>

**03. Hàng tồn kho**

	<u>Quý 1/2012</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Hàng mua đang đi đường		
- Nguyên liệu, vật liệu	1.728.970	1.728.970
- Công cụ, dụng cụ	59.168.636	59.168.636
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	95.820.431.587	89.382.804.186
- Thành phẩm	2.016.604.504	2.016.604.504
- Hàng hoá	38.490.412	38.490.412
- Hàng gửi đi bán		
<b>Cộng giá gốc của hàng tồn kho</b>	<b><u>97.936.424.109</u></b>	<b><u>91.498.796.708</u></b>

**04. Tài sản ngắn hạn khác**

	<u>Quý 1/2012</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tạm ứng	20.635.226.593	18.227.872.247
- Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.732.603.285	3.576.319.418
- Tài sản thiếu chờ xử lý		
<b>Cộng</b>	<b><u>24.367.829.878</u></b>	<b><u>21.804.191.665</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG - TMC**

Số nhà 24, ngõ 22, phố Trung Kính, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**05. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>				
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>25.001.827.485</b>	<b>1.951.819.113</b>	<b>205.694.940</b>	<b>27.159.341.538</b>
- Mua trong Quý 1/2012	1.086.912.718			1.086.912.718
- Đầu tư XDCB hoàn thành				
- Tăng khác				
- Chuyển sang bất động sản đầu tư				
- Thanh lý, nhượng bán				
- Giảm khác				
<b>Số dư cuối Quý 1/2012</b>	<b>26.088.740.203</b>	<b>1.951.819.113</b>	<b>205.694.940</b>	<b>28.246.254.256</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>7.761.880.790</b>	<b>853.989.571</b>	<b>110.071.611</b>	<b>8.725.941.972</b>
- Khấu hao Quý 1/2012	792.908.524	48.795.478	6.606.940	848.310.942
- Tăng khác				
- Chuyển sang bất động sản đầu tư				
- Thanh lý, nhượng bán				
- Giảm khác				
<b>Số dư cuối Quý 1/2012</b>	<b>8.554.789.314</b>	<b>902.785.049</b>	<b>116.678.551</b>	<b>9.574.252.914</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>				
<b>1. Tại ngày đầu năm</b>	<b>17.239.946.695</b>	<b>1.097.829.542</b>	<b>95.623.329</b>	<b>18.433.399.566</b>
<b>2. Số dư cuối Quý 1/2012</b>	<b>17.533.950.889</b>	<b>1.049.034.064</b>	<b>89.016.389</b>	<b>18.672.001.342</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG - TMC**

Số nhà 24, ngõ 22, phố Trung Kính, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**06. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>		
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>16.100.342.363</i>	<i>16.100.342.363</i>
- Mua trong năm	-	-
- Tăng khác	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
- Giảm khác	-	-
<i>Số dư cuối Quý 1/2012</i>	-	-
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
<i>Số dư đầu năm</i>	-	-
- Khấu hao trong năm	-	-
- Tăng khác	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
- Giảm khác	-	-
<i>Số dư cuối Quý 1/2012</i>	-	-
<b>III. Giá trị còn lại</b>		
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>16.100.342.363</i>	<i>16.100.342.363</i>
<i>2. Số dư cuối Quý 1/2012</i>	<i>16.100.342.363</i>	<i>16.100.342.363</i>

**07. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Quý 1/2012	Số đầu năm
- Kho Công ty tại Thạch Thất	629.205.551	629.205.551
- Dự án đầu tư hệ thống chống giẫm	-	1.012.214.338
<b>Cộng</b>	<b>629.205.551</b>	<b>1.641.419.889</b>

**08. Chi phí trả trước dài hạn**

	Quý 1/2012	Số đầu năm
- Giá trị còn lại của công cụ, dụng cụ đã xuất dùng có giá trị lớn	2.049.942.859	1.919.341.761
- Giá trị thương hiệu	774.666.667	774.666.667
- Chi phí sửa chữa	-	38.735.616
<b>Cộng</b>	<b>2.824.609.526</b>	<b>2.732.744.044</b>

**09. Vay và nợ ngắn hạn**

	Quý 1/2012	Số đầu năm
- <i>Vay ngắn hạn</i>	<i>17.032.149.076</i>	<i>21.833.287.568</i>
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	17.032.149.076	21.833.287.568
- <i>Nợ dài hạn đến hạn trả</i>	<i>2.400.000.000</i>	-
<b>Cộng</b>	<b>19.432.149.076</b>	<b>21.833.287.568</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG - TMC**

Số nhà 24, ngõ 22, phố Trung Kính, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Quý 1/2012</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thuế giá trị gia tăng		
- Thuế xuất, nhập khẩu		
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.392.488.232	1.392.488.232
- Thuế thu nhập cá nhân	350.971.942	102.881.466
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất		
- Các loại thuế khác		
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		
<b>Cộng</b>	<b><u>1.743.460.174</u></b>	<b><u>1.495.369.698</u></b>

**11. Chi phí phải trả**

	<u>Quý 1/2012</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí lãi vay phải trả	3.798.061.512	6.508.231.155
- Chi phí phải trả khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>3.798.061.512</u></b>	<b><u>6.508.231.155</u></b>

**12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Quý 1/2012</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tài sản thừa chờ giải quyết		
- Kinh phí công đoàn	222.290.597	216.834.637
- Bảo hiểm xã hội	85.158.498	44.008.426
- Bảo hiểm y tế	18.788.171	9.276.620
- Bảo hiểm thất nghiệp	6.742.756	4.000.766
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	9.024.969.451	10.004.485.806
<b>Cộng</b>	<b><u>9.357.949.473</u></b>	<b><u>10.278.606.255</u></b>

**13. Vay và nợ dài hạn**

	<u>Quý 1/2012</u>	<u>Số đầu năm</u>
- <b>Vay dài hạn</b>	<b><u>79.676.621.779</u></b>	<b><u>101.101.925.779</u></b>
+ Vay ngân hàng	8.847.421.779	10.272.725.779
+ Vay đối tượng khác (*)	70.829.200.000	70.829.200.000
+ Trái phiếu phát hành (**)		20.000.000.000
- <b>Nợ dài hạn</b>		
<b>Cộng</b>	<b><u>79.676.621.779</u></b>	<b><u>101.101.925.779</u></b>

(\*): Là khoản huy động vốn của các cá nhân để triển khai dự án Xuân Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG - TMC**

Số nhà 24, ngõ 22, phố Trung Kính, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**14. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư Vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>26.000.000.000</b>	<b>4.118.298.000</b>	<b>1.419.348.708</b>	<b>148.275.462</b>	<b>1.069.897.315</b>	<b>32.755.819.485</b>
- Tăng vốn trong năm trước						
- Lãi trong năm trước					3.602.230.866	3.602.230.866
- Tăng khác						
- Lỗ trong năm trước						
- Phân phối lợi nhuận năm 2010			57.979.463	28.989.732	(289.897.315)	(202.928.120)
- Thanh toán tiền cổ tức năm 2010					(780.000.000)	(780.000.000)
- Tạm chia cổ tức đợt 1 năm 2011					(2.600.000.000)	(2.600.000.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>26.000.000.000</b>	<b>4.118.298.000</b>	<b>1.477.328.171</b>	<b>177.265.194</b>	<b>1.002.230.866</b>	<b>32.775.122.231</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>						
- Tăng vốn trong năm nay	20.000.000.000					20.000.000.000
- Lãi trong năm nay						
- Tăng khác						
- Lỗ Quý 1/2012					(466.510.275)	(466.510.275)
- Phân phối lợi nhuận năm 2011						
- Thanh toán tiền cổ tức năm 2011						
- Tạm chia cổ tức năm 2012						
<b>Số dư cuối Quý 1/2012</b>	<b>46.000.000.000</b>	<b>4.118.298.000</b>	<b>1.477.328.171</b>	<b>177.265.194</b>	<b>535.720.591</b>	<b>52.308.611.956</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG - TMC**

Số nhà 24, ngõ 22, phố Trung Kính, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>Quý 1/2012</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vốn góp của Tổng Công ty XD Bạch Đằng	2.273.000.000	2.273.000.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	43.727.000.000	23.727.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>46.000.000.000</u></b>	<b><u>26.000.000.000</u></b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>Quý 1/2012</u>	<u>Năm trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	26.000.000.000	26.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	20.000.000.000	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	46.000.000.000	26.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	3.380.000.000

**d. Cổ phiếu**

	<u>Quý 1/2012</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.000.000	6.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.600.000	2.600.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.600.000	2.600.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.600.000	2.600.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.600.000	2.600.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

**e. Các quỹ của doanh nghiệp**

	<u>Quý 1/2012</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Quỹ đầu tư phát triển	1.477.328.171	1.477.328.171
- Quỹ dự phòng tài chính	177.265.194	177.265.194
<b>Cộng</b>	<b><u>1.654.593.365</u></b>	<b><u>1.654.593.365</u></b>

**f. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<u>Quý 1/2012</u>	<u>Quý 1/2011</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(466.510.275)	(104.552.094)
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(466.510.275)	(104.552.094)
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.116.484	2.600.000
- <b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(113,3)</b>	<b>(40,21)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG - TMC**

Số nhà 24, ngõ 22, phố Trung Kính, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH***Đơn vị tính: VND***01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Quý 1/2012</u>	<u>Quý 1/2011</u>
- Doanh thu bán hàng hóa		
- Doanh thu bán thành phẩm		
- Doanh thu cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu hoạt động xây dựng	5.254.525.973	3.740.728.318
<b>Cộng</b>	<b><u>5.254.525.973</u></b>	<b><u>3.740.728.318</u></b>

**02. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Quý 1/2012</u>	<u>Quý 1/2011</u>
- Doanh thu thuần bán hàng hóa		
- Doanh thu thuần hoạt động xây dựng	5.254.525.973	3.740.728.318
<b>Cộng</b>	<b><u>5.254.525.973</u></b>	<b><u>3.740.728.318</u></b>

**03. Giá vốn hàng bán**

	<u>Quý 1/2012</u>	<u>Quý 1/2011</u>
- Giá vốn của thành phẩm đã bán		
- Giá vốn của hoạt động xây dựng	4.873.984.776	3.483.014.880
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp		
<b>Cộng</b>	<b><u>4.873.984.776</u></b>	<b><u>3.483.014.880</u></b>

**04. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Quý 1/2012</u>	<u>Quý 1/2011</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	202.019.093	405.479.385
<b>Cộng</b>	<b><u>202.019.093</u></b>	<b><u>405.479.385</u></b>

**05. Chi phí tài chính**

	<u>Quý 1/2012</u>	<u>Quý 1/2011</u>
- Lãi tiền vay	540.499.648	125.547.720
<b>Cộng</b>	<b><u>540.499.648</u></b>	<b><u>125.547.720</u></b>

**06. Chi tiết Lợi nhuận sau thuế**

	<u>Quý 1/2012</u>	<u>Quý 1/2011</u>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*)	-	-
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay		
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG - TMC**

Số nhà 24, ngõ 22, phố Trung Kính, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**(\*): Chi tiết chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm nay**

	<b>Quý 1/2012</b>	<b>Quý 1/2011</b>
- Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính	(466.510.275)	(104.552.094)
- Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp		
- Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp		
- Tổng thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp chưa trừ chuyển lỗ	(466.510.275)	(104.552.094)
- Lỗ từ các năm trước chuyển sang		
- Tổng thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(466.510.275)	(104.552.094)
- Thuế suất thuế thu nhập hiện hành	<b>25%</b>	<b>25%</b>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		
- Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm (30%)		
- <b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>		

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Không có thông tin.

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính của Quý 1/2011 và năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN).

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2012

**Người lập biểu****Kế toán trưởng****Tổng Giám đốc****Dương Thị Thủy****Nguyễn Văn Hợp****Nguyễn Văn Thương**